

Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 7 năm 2020	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2020	Tháng 7 năm 2020 so với tháng 6 năm 2020 (%)	Tháng 7 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1,198.29	7,100.71	102.60	103.14	87.56
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1,198.29	7,100.71	102.60	103.14	87.56
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	144,303.71	852,278.10	103.34	103.35	86.76
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	144,303.71	852,278.10	103.34	103.35	86.76
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	278.17	1,857.75	101.53	101.78	96.33
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	278.17	1,857.75	101.53	101.78	96.33
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	18,885.82	127,045.00	101.82	101.85	96.96
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	18,885.82	127,045.00	101.82	101.85	96.96
Hàng không	-	-	-	-	-